

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 01/1998/TM-XNK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 2 năm 1998

THÔNG TƯ

*Hướng dẫn thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 11/1998/QĐ-TTg ngày
23/01/1998*

*về cơ chế điều hành xuất, nhập khẩu năm 1998 và số 12/1998-QĐ-TTg ngày 23/01/1998 về
điều hành xuất khẩu gạo
và nhập khẩu phân bón năm 1998*

Ngày 23/01/1998 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 11/1998/QĐ-TTg về cơ chế điều hành xuất nhập khẩu năm 1998 và số 12/1998/QĐ-TTg về điều hành xuất khẩu gạo và nhập khẩu phân bón năm 1998;

Căn cứ quy định trong các Quyết định nói trên và kết quả điều hành công tác xuất nhập khẩu năm 1997;

Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện như sau:

I- VỀ DANH MỤC HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, danh mục hàng hoá quản lý bằng hạn ngạch, danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu quản lý chuyên ngành, danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu có cân đối với sản xuất và nhu cầu trong nước thực hiện theo các phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 11/1998/QĐ-TTg ngày 23/01/1998.

II- VỀ ĐIỀU HÀNH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ

Việc điều hành xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá năm 1998 quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 11/1998/QĐ-TTg và 12/1998/QĐ-TTg ngày 23/01/1998 có những điểm

Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện cụ thể thêm như sau:

1. Xuất khẩu gạo:

1.1- Về hạn ngạch 4.000 ngàn tấn: Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 12/1998/QĐ-TTg ngày 23/01/1998 Bộ Thương mại đã có Quyết định số 0089 TM/XNK ngày 26/01/1998, phân bổ 90% hạn ngạch xuất khẩu gạo 1998 (3.600 ngàn tấn), gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các doanh nghiệp Trung ương (Phụ lục 1 kèm theo đây). Đến tháng 9/1998, nếu tình hình sản xuất thuận lợi, hạn ngạch 400 ngàn tấn còn lại sẽ được Chính phủ xem xét phân bổ tiếp.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố sau khi nhận được Quyết định của Bộ Thương mại cần giao ngay hạn ngạch để các doanh nghiệp thực hiện và thông báo Bộ Thương mại, các Bộ ngành hữu quan biết để phối hợp điều hành. Đối tượng được giao hạn ngạch là các doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu gạo của địa phương, kể cả các doanh nghiệp là thành viên của Tổng công ty lương thực miền Nam; các doanh nghiệp Nhà nước có nguồn hàng, có thị trường để uỷ thác xuất khẩu; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh, thành phố;

Trường hợp các doanh nghiệp nhà nước (ngoài danh sách đầu mối) có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng lương thực hoặc nông sản nếu tìm được thị trường mới và ký kết được hợp đồng với các điều kiện thương mại và giá cả có hiệu quả thì cơ quan chủ quản của các doanh nghiệp này (Bộ, ngành và tỉnh) kiến nghị Bộ Thương mại xem xét cho phép thực hiện từng hợp đồng cụ thể.

1.2. Về xuất khẩu gạo miền Bắc và miền Trung: Năm 1998 việc xuất khẩu gạo sản xuất ở miền Bắc và miền Trung tiếp tục được khuyến khích. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu có ngành hàng xuất khẩu là lương thực hoặc nông, lâm, thủy hải sản nếu có khách hàng, thị trường tiêu thụ đều được trực tiếp xuất khẩu. Các doanh nghiệp trong quá trình giao dịch ký hợp đồng xuất khẩu cần thông báo Bộ Thương mại biết về số lượng dự kiến xuất, thời hạn giao hàng, loại gạo, giá cả, cảng xếp hàng và phương thức thanh toán để Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện. Cơ quan Hải quan làm thủ tục cho doanh nghiệp xuất khẩu trên cơ sở văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại.

1.3. Về đầu mối xuất khẩu: Ngoài các doanh nghiệp đã trực tiếp xuất khẩu gạo năm 1997 và các doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ chỉ định trong Quyết định số 12/1998/QĐ-TTg

(Tổng công ty thương mại tổng hợp Sài Gòn, Nông trường Cờ đỏ Cần Thơ, Tổng công ty vật tư nông nghiệp TW và Công ty xuất nhập khẩu ngũ cốc). Tại Hội nghị về xuất khẩu gạo nhập khẩu phân bón ngày 5/2/1998 (tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh) Thủ tướng Chính phủ đã quyết định bổ sung thêm 2 doanh nghiệp đầu mối của tỉnh An Giang và 1 doanh nghiệp đầu mối của thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh là các Hợp tác xã sản xuất lúa, các doanh nghiệp chuyên xay xát, chế biến gạo ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các tiêu chuẩn sau đây giới thiệu:

Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lương thực và đã có quá trình kinh doanh lương thực 2 năm trở lên.

Có khả năng huy động nguồn vốn để xuất khẩu tối thiểu 5 ngàn tấn gạo/chuyến.

Có tình trạng tài chính lành mạnh.

Có cơ sở chế biến gạo đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

Bộ Thương mại sẽ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hiệp hội xuất nhập khẩu lương thực xem xét quyết định chọn khoảng 05 doanh nghiệp làm thí điểm tham gia xuất khẩu gạo trực tiếp.

1.4- Về thị trường xuất khẩu: Đối với các thị trường (IRAN, IRAQ, PHILIPPINES, MALAYSIA, INDONESIA), trước đây chỉ giao cho một số doanh nghiệp thực hiện, nay trừ các hợp đồng thực hiện theo chỉ định của Chính phủ, các doanh nghiệp đầu mối khác nếu ký được hợp đồng có các điều kiện thương mại và giá cả tốt hơn, thì cũng được trực tiếp xuất khẩu hoặc xuất khẩu qua khách hàng khác vào các thị trường này.

1.5. Về thủ tục xuất khẩu: Hải quan căn cứ thông báo tên doanh nghiệp, hạn ngạch doanh nghiệp được giao, hợp đồng, L/C (trừ trường hợp đổi hàng hoặc thanh toán bằng TTR) để làm thủ tục xuất khẩu gạo cho doanh nghiệp, không yêu cầu văn bản nào khác.

2. Nhập khẩu phân bón:

Căn cứ Quyết định số 12/1998/QĐ-TTg ngày 23/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ Bộ Thương mại đã có Quyết định số 0089 TM/XNK ngày 26/01/1998 phân bổ chỉ tiêu nhập khẩu phân bón năm 1998 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các doanh nghiệp Trung ương.

2.1. Doanh nghiệp nhập khẩu phân bón: danh sách theo Phụ lục 2 của Thông tư này gồm 35 đầu mối.

Trường hợp cần thay đổi doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu thì Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Bộ Thương mại, Ngân hàng, Hải quan, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản để phối hợp điều hành.

2.2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao ngay hạn ngạch cho các doanh nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu nhập khẩu UREA, SA, DAP, NPK, KALI nêu tại Quyết định 0089 TM/XNK ngày 26/01/1998 phù hợp với thời vụ sản xuất hè thu, mùa và đông xuân ở cả 3 miền Bắc, Trung, và Nam như Phụ lục số 2 đính kèm và thông báo cho Bộ Thương mại, các Bộ ngành hữu quan biết để phối hợp điều hành.

Thời hạn phân bón phải về đến cửa khẩu Việt Nam:

Đối với vụ hè thu: chậm nhất 30/6/1998 - Đối với vụ mùa: chậm nhất 30/9/1998 - Đối với vụ đông xuân: chậm nhất 31/3/1999

45 ngày trước khi đến thời hạn nêu trên, nếu doanh nghiệp không có khả năng nhập khẩu lượng phân bón được giao phải báo cáo ngay cho tỉnh, thành phố hoặc Bộ Thương mại và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời giao cho doanh nghiệp khác thực hiện.

2.3. Các doanh nghiệp được giao chỉ tiêu nhập khẩu phải đưa phân bón về đủ số lượng, đúng cửa khẩu và thời điểm quy định. Trường hợp cần điều chỉnh phải được Bộ Thương mại chấp thuận.

2.4. Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh được xét cho phép tham gia nhập khẩu phân bón nếu có đủ các điều kiện sau đây:

Có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu có ngành hàng nhập khẩu phân bón hoặc vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Có mạng lưới cung ứng phân bón được thành lập theo đúng pháp luật.

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh; có khả năng huy động vốn và thanh toán hàng nhập khẩu tối thiểu 50.000 tấn phân bón/năm.

Nếu các doanh nghiệp hội đủ các điều kiện nêu trên gửi hồ sơ về Bộ Thương mại, bao gồm:

Văn bản đề nghị của doanh nghiệp (Phụ lục 3: mẫu số 1 đính kèm).

Báo cáo quyết toán năm 1997 được tổ chức kiểm toán chuyên nghiệp độc lập xác nhận theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về kiểm toán độc lập.

Báo cáo về hệ thống cung ứng phân bón trong nước (có xác nhận của cơ quan chủ quản).

Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu (bản photocopy có công chứng).

2.5. Tuần đầu hàng tháng doanh nghiệp phải gửi báo cáo thực hiện nhập khẩu của tháng trước về Bộ Thương mại và Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn (Phụ lục 4: mẫu số 2 đính kèm).

3. Việc nhập khẩu thép, xi măng các loại, giấy, kính, đường tinh luyện, đường thô nguyên liệu của các doanh nghiệp trong nước; Liên Bộ Thương mại, Kế hoạch Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công nghiệp, Xây dựng thống nhất như sau:

3.1. Xi măng:

a. Nhu cầu nhập khẩu xi măng đen năm 1998 dự kiến: 200.000 tấn.

Giao Công ty liên doanh Sao Mai nhập khẩu 50.000 tấn xi măng rời để vận hành trạm Cát Lái. 150.000 tấn còn lại khi có nhu cầu mới được phép nhập khẩu trên cơ sở đề nghị của Bộ Xây dựng và điều hành của liên Bộ Thương mại - Kế hoạch và Đầu tư - Xây dựng.

b. Các loại xi măng khác các doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng phù hợp được nhập khẩu theo nhu cầu sản xuất và kinh doanh - làm thủ tục tại Hải quan.

3.2. Kính:

a. Nhu cầu nhập khẩu năm 1998: 2,5 triệu m² kính xây dựng trắng trơn có độ dày từ 2 - 7 mm, Bộ Thương mại giao chỉ tiêu nhập khẩu như sau:

Các doanh nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng nhập khẩu 1,5 triệu m². + Các doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng thuộc các địa phương và các Bộ, ngành khác nhập khẩu 1 triệu m².

b. Các loại kính khác các doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng phù hợp được nhập khẩu theo nhu cầu sản xuất và kinh doanh - làm thủ tục tại Hải quan.

3.3. Giấy:

Các doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng phù hợp được nhập khẩu giấy các loại theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh - làm thủ tục Hải quan. Riêng các loại giấy sau đây trước mắt chưa nhập khẩu:

Giấy in báo;